

Thời gian qua, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) đã có những đóng góp to lớn đối với Việt Nam trong việc phát triển kinh tế gắn liền với xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế trong cách thức thu hút, quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA trong việc thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội ở Việt Nam.

Ứng dụng phương pháp thống kê toán học để xác định rõ các nhân tố ảnh hưởng và đánh giá thực trạng các nhân tố này giúp chúng ta phát hiện được những khoảng trống, hạn chế, tồn tại trong cách thức thu hút, quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA để đề xuất các giải pháp hợp lý nhằm tăng cường khả năng thu hút, sử dụng hiệu quả và quản lý chặt chẽ nguồn vốn quý báu sẽ được trình bày trong bài viết này.

Nghiên cứu này sử dụng cả phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Kết quả nghiên cứu dựa trên khảo sát 152 chuyên gia đại diện cho 53 nhà tài trợ ODA sẽ xác định các nhân tố và chứng minh các nhân tố: sự phù hợp mục tiêu giữa nhà tài trợ và bên nhận nguồn vốn ODA; chính sách, chiến lược, thể chế, luật pháp và hiệu quả sử dụng vốn ODA có tác động trực tiếp đến thu hút nguồn ODA nhằm thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội ở Việt Nam.

1. Giả thuyết và mô hình nghiên cứu

Từ những phân tích từ thực tiễn và căn cứ vào các kết quả nghiên cứu của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, chúng

KIỂM ĐỊNH CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THU HÚT NGUỒN VỐN ODA NHẪM THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM

*PGS., TS. Nguyễn Hữu Tài **

*ThS. Nguyễn Việt Cường ***

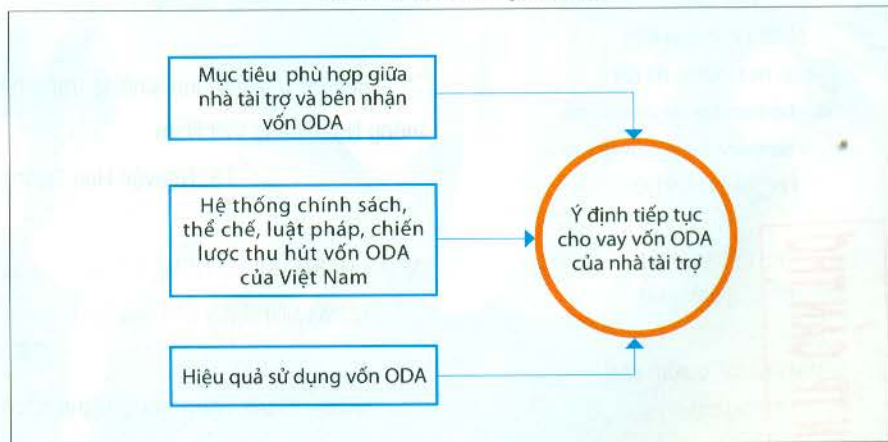


Thời gian qua, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức đã có những đóng góp to lớn trong việc phát triển kinh tế gắn liền với xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội

ta có thể quy về 3 nhóm vấn đề chính làm hạn chế việc thu hút nguồn vốn ODA nhằm thực hiện an sinh và xã hội như sau:

Thứ nhất là sự phù hợp mục tiêu giữa nhà tài trợ và bên tiếp nhận nguồn vốn ODA;

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



H1: Sự phù hợp mục tiêu giữa nhà tài trợ và bên nhận vốn ODA có mối quan hệ thuận chiều với việc thu hút vốn ODA

H2: Hệ thống chính sách, thể chế, pháp luật, chiến lược thu hút vốn ODA của Việt Nam có quan hệ thuận chiều với việc thu hút vốn ODA

H3: Hiệu quả sử dụng vốn ODA có quan hệ thuận chiều với việc thu hút vốn ODA.

* Đại học Kinh tế Quốc dân

** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thứ hai là các vấn đề chính sách, chiến lược, thể chế, pháp luật của Việt Nam;

Thứ ba là hiệu quả sử dụng vốn của phía Việt Nam liên quan đến các vấn đề như: giải ngân, vốn đối ứng, công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA...

Qua nhóm vấn đề trên, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu và các giả thuyết như sau (Hình 1).

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng cả nghiên cứu định tính và định lượng. Phương pháp định tính giúp phát hiện các nhóm nhân tố có tác động đến thu hút vốn ODA nhằm thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội ở Việt Nam và bước đầu xây dựng thang đo cho nghiên cứu định lượng tiếp theo. Trong nghiên cứu định tính, tác giả sẽ phỏng vấn khoảng 10 chuyên gia đại diện cho các nhà tài trợ và các chuyên gia Việt Nam làm việc tại các bộ, ngành có liên quan đến việc sử dụng nguồn vốn ODA. Nghiên cứu định lượng tiến hành thành hai bước, nghiên cứu định lượng sơ bộ và nghiên cứu định lượng chính thức. Nghiên cứu định lượng sơ bộ nhằm kiểm định sự phù hợp, độ tin cậy của thang đo sau khi đã có thang đo sơ bộ từ nghiên cứu định tính. Nghiên cứu định lượng chính

thức sẽ được tiến hành trên diện rộng nhằm kiểm định mối quan hệ giữa ba biến độc lập: (1) sự phù hợp mục tiêu giữa nhà tài trợ và bên tiếp nhận nguồn vốn ODA; (2) các vấn đề chính sách, chiến lược, thể chế, pháp luật của Việt Nam; (3) hiệu quả sử dụng vốn của phía Việt Nam với biến phụ thuộc; (4) ý định tiếp tục cung cấp vốn ODA cho Việt Nam của các nhà tài trợ. Trong nghiên cứu định lượng, tác giả tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi với 200 chuyên gia đại diện cho 53 nhà tài trợ song phương và đa phương. Mỗi biến độc lập đều được đo bằng nhiều biến quan sát và sử dụng thang đo Likert với 1- Rất không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Bình thường; 4- Đồng ý và 5- Rất đồng ý.

3. Kết quả nghiên cứu

Có 152 chuyên gia trả lời trong

số 200 phiếu phát ra, đạt gần 75% tỷ lệ phản hồi. Sau khi thực hiện kiểm định nhân tố EFA, các biến quan sát của nhân tố sự phù hợp mục tiêu giữa nhà tài trợ và bên tiếp nhận nguồn vốn ODA; các biến quan sát của biến hiệu quả sử dụng vốn ODA đều tải về cùng một nhóm và có giá trị factor loading > 0.3. Các biến quan sát của nhân tố hệ thống chính sách, thể chế, chiến lược thu hút vốn ODA của Việt Nam tách thành hai biến nhỏ. Do biến Chính sách, thể chế, pháp luật, chiến lược được tách ra thành hai biến nhỏ, cho nên giả thuyết H2 sẽ được tách thành hai giả thuyết như sau: H2.1: Chính sách, chiến lược, thể chế, pháp luật hiện hành có quan hệ thuận chiều với biến Ý định tiếp tục cung cấp vốn ODA; H2.2: Sự thay đổi Chính sách, chiến lược, thể chế, pháp luật có quan hệ thuận chiều với biến Ý định tiếp

Bảng 1: Kết quả nghiên cứu về mối qua hệ giữa biến Ý định tiếp tục cung cấp vốn ODA với các biến độc lập

Biến	Phương trình	Mô hình
Biến chính		
Mục tiêu chung giữa nhà tài trợ và bên tiếp nhận vốn ODA		.250***
Chính sách, chiến lược, thể chế, pháp luật hiện hành		.228**
Sự thay đổi Chính sách, chiến lược, thể chế, pháp luật		.167*
Hiệu quả sử dụng vốn		.222**
R ² điều chỉnh		.323
F		17.064***
N = 148; *p ≤ 0.1; **p ≤ 0.05; ***p ≤ 0.01; ****p ≤ 0.001		
Tất cả hệ số tương quan đã được chuẩn hóa		




NHẬN TIN NHẮN – ĐÓN QUÀ VUI

Từ 02/11/2015 đến 26/01/2016 với hàng ngàn cơ hội trúng thưởng*

Nhận tin nhắn báo biến động số dư tài khoản, giao dịch thẻ tín dụng

Đăng ký VCB – SMS Banking và soạn tin “VCB CD” gửi 6167 hoặc 8170

hoặc truy cập VCB – iBanking để kích hoạt SMS chủ động



01 Giải đặc biệt
Vespa Primavera 3V i.e 125cc



02 Giải nhất
Iphone 6 Plus 16GB



03 Giải nhì
Samsung Galaxy S6 Edge 32GB



1000 Giải may mắn

Thông tin chi tiết liên hệ 1900 54 54 13 hoặc thêm khóa website www.vietcombank.com.vn

* Áp dụng theo điều khoản của Chương trình

tục cung cấp vốn ODA.

Các thang đo các biến: (1) sự phù hợp mục tiêu giữa nhà tài trợ và bên tiếp nhận nguồn vốn ODA; (2) các vấn đề chính sách, chiến lược, thể chế, pháp luật của Việt Nam; (3) hiệu quả sử dụng vốn của phía Việt Nam; (4) ý định tiếp tục cung cấp vốn ODA cho Việt Nam của các nhà tài trợ đều có hệ Cronbach’s alpha từ 0,8 trở lên, đảm bảo yêu cầu về độ tin cậy.

Phân tích hồi quy được thực hiện để xác định mối quan hệ giữa biến phụ thuộc ý định tiếp tục cung cấp vốn ODA của các nhà tài trợ với các biến độc lập. Nhìn vào *Bảng 1* ta thấy các biến: sự thay đổi của chính sách, thể chế, pháp luật hiện hành; sự phù hợp của mục tiêu giữa nhà tài trợ và bên tiếp nhận tài trợ vốn ODA; chính sách, thể chế, pháp luật hiện hành; hiệu quả sử dụng vốn ODA có tác động thuận chiều với biến ý định tiếp tục cung cấp vốn ODA của nhà tài trợ. Như vậy, các giả thuyết H1; H2.1; H2.2; H3 được ủng hộ.

4. Bình luận và kiến nghị

Kết quả phân tích hồi quy đã ủng hộ một phần giả thuyết cho rằng, mục tiêu chung giữa nhà tài trợ và bên tiếp nhận nguồn vốn ODA có tác động đến ý định tiếp tục thu hút vốn ODA nhằm thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội ở Việt Nam. Nhìn vào *Bảng 1* ta có một số nhận xét như

Bảng 2: Điểm trung bình các biến “mức độ phù hợp về mục tiêu giữa nhà tài trợ và bên tiếp nhận vốn ODA”

Biến Quan Sát	N	Minimum	Maximum	Trung bình
Muc_Tieu1	148	1	4	2.43
Muc_Tieu2	148	1	4	2.36
Muc_Tieu3	148	1	4	2.28
Muc_Tieu4	148	1	4	2.34

sau: các biến liên quan đến sự phù hợp mục tiêu giữa các bên chưa được các nhà tài trợ đánh giá cao. Thể hiện ở các câu trả lời cho các câu hỏi không có câu nào là hoàn toàn đồng ý (mức 5 trong thang đo Likert) mà chỉ dừng lại ở mức đồng ý (mức 4 trong thang đo Likert). Qua đó ta có thể nhận xét mức độ hài lòng hoàn toàn với mục tiêu của các dự án an sinh xã hội do phía Việt Nam đưa ra của các nhà tài trợ là chưa cao. Qua đó ta thấy có sự đánh giá chưa cao về sự phù hợp mục tiêu của nhà tài trợ với Việt Nam. Điều này có thể xuất phát từ các nguyên nhân:

Thứ nhất, chưa có sự điều tra kỹ lưỡng về các mục tiêu của các nhà tài trợ khi cung cấp ODA cho Việt Nam, dẫn tới thay vì đưa ra các dự án phù hợp với mục tiêu của các nhà tài trợ, ta lại đưa ra các dự án không phù hợp sau đó uốn nắn một cách gượng ép cho phù hợp với mục tiêu của nhà tài trợ;

Thứ hai, với những dự án không phù hợp với mục tiêu của nhà tài trợ dù mang tính chất cấp thiết, cần thiết theo mục tiêu an sinh xã hội của Việt Nam, chúng ta chưa có những minh chứng thuyết phục hoàn toàn các nhà tài trợ, hoặc không tìm được các nhà tài trợ phù hợp với dự án, dẫn tới những

hoạt động còn mang tính gượng ép trong mục tiêu. Đây cũng là nguyên nhân mà hiện có nhiều nhà tài trợ đánh giá Việt Nam sử dụng sai mục đích vốn ODA, làm giảm khả năng thu hút ODA nhằm thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội ở Việt Nam trong cả hiện tại và tương lai.

Nhìn vào *Bảng 2* ta có nhận xét sau: hệ số Beta của nhân tố Sự phù hợp mục tiêu giữa hai bên cấp và nhận ODA có tác động lớn nhất và tỉ lệ thuận với khả năng cấp vốn ODA của các nhà tài trợ. Cụ thể, khi Sự phù hợp mục tiêu giữa 2 bên tăng lên 1 đơn vị thì khả năng cấp vốn ODA của các nhà tài trợ sẽ tăng lên 0.250 đơn vị. Vì vậy trong thời gian tới, Chính phủ, các cơ quan có chức năng cả ở trung ương và địa phương nên xem xét tập trung cải thiện nhân tố này, theo hướng:

Thứ nhất: Tăng cường sự hiểu biết về mục tiêu của nhà tài trợ từ đó tìm ra các dự án khả thi, phù hợp với mục tiêu của họ để thực hiện.

Thứ hai: Với những dự án chưa phù hợp với mục tiêu của nhà tài trợ nhưng đóng vai trò quan trọng, bức thiết đối với an sinh xã hội của địa phương, của đất nước, Chính phủ và các cơ quan hữu quan cần nghiên cứu, làm rõ mục đích, tầm quan

trọng của dự án, qua đó thuyết phục các nhà tài trợ hiện tại ủng hộ hoặc kêu gọi các nhà tài trợ mới cấp ODA cho dự án.

Kết quả phân tích hồi quy Chính sách, chiến lược, thể chế, pháp luật cũng ủng hộ giả thuyết H2.1 và H2.2. Trong mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng thu hút vốn ODA của Việt Nam, đây là nhân tố được các nhà tài trợ đánh giá cao nhất, với tất cả các câu trả lời đều có giá trị trung bình lớn hơn 3, đây là một sự đánh giá phù hợp với tình hình, diễn biến trên thực tế. Từ trước đến nay Việt Nam vẫn được đánh giá là một nước có nền chính trị ổn định, các quyết sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đều mang tính ổn định cao. Đặc biệt, trong lĩnh vực an sinh xã hội, vì nhà nước ta là một thể chế được xác định là của dân, do dân và vì dân theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "... cái gì có lợi cho dân thì làm, cái gì không có lợi cho dân thì không làm", nên các quyết sách, thể chế trong vấn đề an sinh xã hội đều hết sức được tạo điều kiện. Mặc dù, nhân tố này chỉ đóng vai trò thấp nhất trong mô hình các nhân tố ảnh hưởng tới thu hút ODA nhằm thực

hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội ở Việt Nam, nhưng đây vẫn là tín hiệu đáng mừng nếu hiểu theo góc độ: các nhà tài trợ hoàn toàn yên tâm về sự ổn định chính sách của Việt Nam.

Kết quả phân tích hồi quy hiệu quả sử dụng vốn ODA cũng ủng hộ giả thuyết H3. Có thể thấy đây là nhân tố có ảnh hưởng rất lớn tới khả năng thu hút ODA nhằm thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội ở Việt Nam, thể hiện, khi ta tăng nhân tố này lên 1 đơn vị thì khả năng thu hút ODA sẽ tăng lên tới 0.222 đơn vị, với vai trò như vậy nhân tố này cần có sự đánh giá tốt từ phía các nhà tài trợ. Tuy vậy, theo kết quả khảo sát, nhân tố này nhận được sự đánh giá chưa cao từ phía các nhà tài trợ. Điều này cũng phù hợp với các nghiên cứu của các tác giả khác khi nhân tố hiệu quả trong sử dụng ODA cũng không được đánh giá cao trong việc thu hút ODA nhằm thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội ở Việt Nam. Khác với nhân tố "Sự phù hợp mục tiêu", mặc dù nhân tố Hiệu quả không ảnh hưởng lớn bằng (thực tế là có sự khác biệt không quá lớn trong sự ảnh hưởng của hai nhân tố này tới sự thu hút ODA - 0.250 với

0.222) nhưng việc nhân tố này không được đánh giá cao có ảnh hưởng tới uy tín của Việt Nam, qua đó tác động tới khả năng thu hút ODA. Ta thấy nhân tố Sự phù hợp mục tiêu ảnh hưởng tới khả năng thu hút ODA ban đầu, nhân tố này gắn chặt với từng dự án riêng biệt, nếu nhân tố này bị đánh giá kém thì chỉ ảnh hưởng tới việc thu hút ODA của dự án đó, nhưng với yếu tố Hiệu quả, nếu không được đánh giá cao thì có thể sẽ làm giảm uy tín của Việt Nam trong con mắt các nhà tài trợ. Ngoài ra, vì ODA không phải là cho không hoàn toàn, mà trong đó phần lớn là các khoản vay, vay thì phải trả, không chỉ trả gốc, mà còn phải trả lãi, nếu chúng ta sử dụng không đúng, không hiệu quả thì sẽ tạo áp lực rất lớn lên nợ công. Vì vậy, trong thời gian tới Chính phủ và các cơ quan hữu quan nên tập trung giải quyết vấn đề này. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Boone, Peter, 1994, "The Impact of Foreign Aid on Savings and Growth," Centre for Economic Performance Working Paper No. 677, (London School of Economics).
2. Collier, Paul, and David Dollar, 2002, "Aid Allocation and Poverty Reduction" European Economic Review, Vol. 45, No. 1, pp. 1-26.
3. David Dollar and Craig, 2000, "Aid, Policies, and Growth," American Economic Review, Vol. 90, No. 4 (September), pp. 847-68.


Vietcombank

**Chung niềm tin
vững tương lai**

www.vietcombank.com.vn